

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-3-2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lữ Quốc Toàn**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:** *Không tham gia.*

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Nhân K**, sinh năm 1978.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 16, đường số 4, tổ 5, ấp BĐ, xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Minh T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà 16, đường số 4, tổ 5, ấp BĐ, xã XD, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai bổ sung, nguyên đơn chị **Trần Nhân K** trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh **Vũ Minh T** tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi nhau, nguyên nhân do anh **Vũ Minh T** ham chơi không lo làm ăn, nhiều lần đánh đập chị. Anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm để tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn anh **Vũ Minh T**.

Về con chung: Chị và anh Vũ Minh T có 07 con chung là các cháu: Vũ Phương U sinh ngày 04/5/2004, Vũ Phương A sinh ngày 14/10/2005, Vũ Trần Phương N sinh ngày 18/01/2007, Vũ Trần Phương Ngọc A sinh ngày 25/3/2009, Vũ Trần Ánh Phương B sinh ngày 22/4/2011, Vũ Trần Thiên L sinh ngày 05/01/2013 và Vũ Trần Thiên E sinh ngày 18/12/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 07 người con chung, không yêu cầu anh Vũ Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Vũ Minh T trình bày:* Anh và chị Trần Nhân K tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XD, huyện XL, tỉnh Đồng Nai vào năm 2004. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Nhân K.

Về con chung: Anh và chị Trần Nhân K có 07 con chung là các cháu Vũ Phương U sinh ngày 04/5/2004, Vũ Phương A sinh ngày 14/10/2005, Vũ Trần Phương N sinh ngày 18/01/2007, Vũ Trần Phương Ngọc A sinh ngày 25/3/2009, Vũ Trần Ánh Phương B sinh ngày 22/4/2011, Vũ Trần Thiên L sinh ngày 05/01/2013 và Vũ Trần Thiên E sinh ngày 18/12/2014. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao cả 07 người con chung cho chị Trần Nhân K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Nhân K khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Minh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn, anh Vũ Minh T có hộ khẩu thường trú tại ấp BĐ, xã XD, huyện XL, nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Trần Nhân K khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Minh T nên chị Trần Nhân K là nguyên đơn, anh Vũ Minh T là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T có đơn xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T tại phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T cung cấp tài liệu chứng cứ là các bản tự khai, nội dung bản tự khai thể hiện đầy đủ, thống nhất và không có mâu thuẫn với nhau nên Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát nhân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Trần Nhân K cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh Vũ Minh T ham chơi không lo làm ăn và thường hay đánh, chửi chị, nên không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Anh Vũ Minh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung từ năm 2016 đến nay, nhưng anh Vũ Minh T không đồng ý ly hôn. Mặc dù anh Vũ Minh T không đồng ý ly hôn nhưng anh Vũ Minh T không đưa ra được lý do, đồng thời anh Vũ Minh T cũng đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ anh Vũ Minh T đã bỏ mặt và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận cho chị Trần Nhân K được ly hôn với anh Vũ Minh T là phù hợp.

[5] Về con chung: Khi ly hôn, chị Trần Nhân K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 07 người con chung là các cháu Vũ Phương U sinh ngày 04/5/2004, Vũ Phương A sinh ngày 14/10/2005, Vũ Trần Phương N sinh ngày 18/01/2007, Vũ Trần Phương Ngọc A sinh ngày 25/3/2009, Vũ Trần Ánh Phương B sinh ngày 22/4/2011, Vũ Trần Thiên L sinh ngày 05/01/2013 và Vũ Trần Thiên E sinh ngày 18/12/2014. Xét thấy, hiện nay tất cả các con chung đều đang sống cùng chị Trần Nhân K, anh Vũ Minh T cũng không có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, đồng thời yêu cầu của chị Trần Nhân K cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do đó, nên tiếp tục giao tất cả 07 con chung cho chị Trần Nhân K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời chị Trần Nhân K không yêu cầu anh Vũ Minh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Nhân K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Nhân K được ly hôn với anh Vũ Minh T.

- Về con chung: Giao 07 người con chung là các cháu Vũ Phương U sinh ngày 04/5/2004, Vũ Phương A sinh ngày 14/10/2005, Vũ Trần Phương N sinh ngày 18/01/2007, Vũ Trần Phương Ngọc A sinh ngày 25/3/2009, Vũ Trần Ánh Phương B sinh ngày 22/4/2011, Vũ Trần Thiên L sinh ngày 05/01/2013 và Vũ Trần Thiên E sinh ngày 18/12/2014 cho chị Trần Nhân K trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị Trần Nhân K không yêu cầu anh Vũ Minh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Vũ Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Nhân K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004663 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Trần Nhân K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Nhân K và anh Vũ Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS Huyện Xuân Lộc;
- UBND xã XD;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Trần Trường Phát**